TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Hồng L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ D, ấp F, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Dương Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ D, ấp F, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/09/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Dương Văn T vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai ép buộc. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và chung

sống không hòa hợp. Vợ chồng chị đã cùng nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2022, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có hai con chung là Dương Tố N, sinh ngày 05-3-2007 và Dương Như Q, sinh ngày 14-3-2012. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện X, nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Trích lục kết hôn số 451/TLKH-BS ngày 01/10/2021, số đăng ký kết hôn là 135 ngày 18/11/2005, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống

chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và chung sống không hòa hợp. Chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2022, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy anh T không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T thể hiện: Chị L và anh T hiện nay đang cư trú tại tổ D, ấp F, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong thời gian chung sống chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không rõ, chỉ biết hiện nay hại vợ chồng đã ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần áp dụng các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có hai con chung là Dương Tố N, sinh ngày 05-3-2007 và Dương Như Q, sinh ngày 14-3-2012. Xét thấy chị L có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Nguyện vọng của cháu Q muốn sống với chị L, cháu N muốn sống với anh T. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng L ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Như Q, sinh ngày 14-3-2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Tố N, sinh ngày 05-3-2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0011261 ngày 03-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- CCTHADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ HẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thảo Sương